

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/4/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ,

2. Ông Đặng Công Dung.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Võ Như Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **06/2026/TLST-HNGĐ** ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: thôn 5, xã T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Phòng Lavender Heights 103, 111-16 Higashimachi 4 – chome, thành phố Takikawashi, Hokkaido, Nhật Bản; địa chỉ liên hệ: số 53, đường Mai Chí Thọ, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Phạm Phú Q, sinh năm: 1983; địa chỉ: thôn K, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Huỳnh Phan Quốc thuộc Văn phòng Luật sư Lê Ngô Hoài Phong; địa chỉ liên hệ: số 53, đường Mai Chí Thọ, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Thanh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* chị Đinh Thị Thanh T và anh Phạm Phú Q tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ

hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng*). Cuộc sống chung giữa chị T và anh Q không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2024, chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, lúc đó anh Q hứa sẽ thay đổi, chăm lo làm ăn nên chị T rút đơn khởi kiện lại. Hiện nay, anh chị không còn chung sống với nhau, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Phú Q.

Về con chung: chị T và anh Q có hai người con chung là cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con cho khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng mẹ ruột của chị T ở xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng, chị T gửi tiền về nuôi hai cháu. Bản thân anh Q không có nghề nghiệp ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con và thực tế anh cũng không cấp dưỡng nuôi con trong thời gian các cháu ở cùng bà ngoại.

Tuy nhiên, nếu Tòa án giải quyết giao hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng thì chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/cháu cho đến khi cháu B, cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Phú Q trình bày:* anh thống nhất về việc xác lập quan hệ hôn nhân của anh và chị T. Anh không đồng ý ly hôn vì chị T không có mặt tại phiên tòa hôm nay; anh cho rằng chị T đã có tình cảm với người khác nên anh cũng không muốn sống chung với chị T nữa.

Về con chung: nếu anh và chị T ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi hai con chung là cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Anh có đủ điều kiện nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Còn chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: chị Đinh Thị

Thanh T ly hôn với anh Phạm Phú Q; về con chung: giao cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo, cháu Thiên đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị T: chị T cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đắc Gia B, cháu Phạm Đắc Gia T với số tiền 1.500.000 đồng(*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/cháu cho đến khi cháu B, cháu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân*: việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Thanh T và anh Phạm Phú Q dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dân, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng*) nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; tuy nhiên, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; còn bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: năm 2024, chị T có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam và sau đó rút lại đơn khởi kiện. Trước khi chị T đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản thì chị T đã đưa hai con về nhà mẹ ruột ở xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng để ở (*từ năm 2017*). Hiện nay, anh chị không chung sống cùng nhau nữa. Nội dung này phù hợp với lời khai của chị T và anh Q.

Ngoài ra, tại Bản tự khai ngày 18/6/2024 của anh Phạm Phú Q mà Tòa án đã thu thập được thể hiện: năm 2013, anh Q có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng sau này đã cai nghiện được. Vì vợ chồng hay nói qua nói lại, chị T không tôn trọng anh nên anh chán nản, nghỉ việc ở nhà, không đi làm nữa... Tại phiên tòa hôm nay, anh Q thừa nhận anh cũng không muốn chung sống với chị T nữa.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật; cần phải chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: trong thời gian chung sống, anh chị có hai người con chung là cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017.

Sau khi ly hôn, chị T và anh Q đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu cho khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; đều không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay, chị T đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị không trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, trong các bản tự khai vào các năm 2024, 2026, các con của anh chị đều có nguyện vọng ở với anh Q. Mẹ ruột của chị T có ý kiến “*nếu các cháu có nguyện vọng ở với ai thì bà cũng sẽ tôn trọng. Bản thân bà là bà ngoại nên bà không quyết định*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận ý kiến của anh Q, giao cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Mặc dù anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/cháu cho đến khi cháu B, cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, sự tự nguyện này là phù hợp, không trái pháp luật, anh Q cũng đồng ý và hơn nữa nhằm mục đích đảm bảo hơn điều kiện để anh Q nuôi con chung; Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: nguyên đơn chị Đinh Thị Thanh T chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: chị Đinh Thị Thanh T và anh Phạm Phú Q ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017 cho anh Phạm Phú Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc

nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đắc Gia B, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Phạm Đắc Gia T, sinh ngày 08/07/2017 với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/ cháu cho đến khi cháu B, cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong toàn bộ số tiền cấp dưỡng (hàng tháng) thì hàng tháng chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: chị Đinh Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng y*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu số **0000100** ngày 06/01/2026. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7, thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7- Đà Nẵng;
- UBND xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyên

